

Số: 1567/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 22 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp
cho thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Chỉ thị số 10/2012/CT-UBND ngày 12/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 1 (2012-2015);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2076/TTr-SGDĐT ngày 08/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

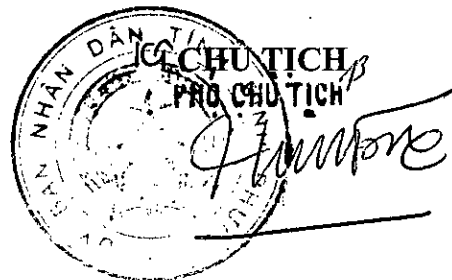
Điều 1. Phê duyệt Đề án đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2013-2020 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CTTN);
- CT, PCT;
- TT BCĐ CLPTTN tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng VX, NC-NgV, KTTH;
- Lưu: VT(qđ103-13).



Nguyễn Huy Phong

ĐỀ ÁN

**Đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp
cho thanh niên tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2013-2020**

(Kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND ngày 22 / 8 /2013 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý:

- Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam, giai đoạn 2011-2020;
- Chỉ thị số 10/2012/CT-UBND ngày 12/7/2012 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020.
- Quyết định số 942/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 09/5/2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012-2020.
- Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 1 (2012 - 2015).

II. Thực trạng công tác đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên tỉnh Bình Phước:

- Tính đến cuối học kì I, năm học 2012-2013, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước có 465 trường học và cơ sở giáo dục (135 trường mầm non, 172 trường tiểu học, 06 trường tiểu học và trung học cơ sở, 1 trường phổ thông dân tộc bán trú cấp 1-2 và 02 trường phổ thông dân tộc bán trú cấp tiểu học, 96 trường trung học cơ sở, 08 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, 24 trường trung học phổ thông, 10 Phòng Giáo dục và Đào tạo, 3 trường trung cấp chuyên nghiệp, 02 trường cao đẳng) và cùng 111 trung tâm học tập cộng đồng.

- Tính đến 31/12/2012, tổng số thanh niên trong tỉnh (16-30 tuổi) khoảng 279.763 người, trong đó:

+ Thanh niên là học sinh tại các trường trung học phổ thông, thỏ thông cấp 2-3, Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp khoảng 34.906 người.

+ Thanh niên là sinh viên đang học tại các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh khoảng 13.000 người; riêng trong 2 trường cao đẳng trong tỉnh khoảng 1.348 thanh niên sinh viên (đạt tỷ lệ khoảng 157 sinh viên/vạn dân).

+ Thanh niên là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ khoảng 4.339 người, trong đó tại Sở Giáo dục và Đào tạo 09 người; còn lại là ở các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, phổ thông cấp 2-

3, Trung tâm giáo dục thường xuyên (TTGDTX), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp (TCCN).

- Về trình độ học vấn: Thanh niên ngoài trường học (16-30 tuổi) còn mù chữ khoảng 6.047 người, chiếm khoảng 2,16%; thanh niên có trình độ tiểu học khoảng 159.784 người, tỷ lệ 57,11%; trình độ trung học cơ sở (THCS) khoảng 111.605 người, tỷ lệ 39,89%; trình độ trung học phổ thông (THPT) trở lên khoảng 112.662 người, chiếm tỷ lệ khoảng 40,3% tổng số thanh niên toàn tỉnh.

1. Kết quả đạt được:

a) Đối với thanh niên học sinh, sinh viên:

Toàn ngành Giáo dục và Đào tạo đang ra sức thi đua giảng dạy và học tập; đẩy mạnh phong trào “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”... Ngoài việc giảng dạy các nội dung chính khóa, các trường học còn chú trọng đến các hoạt động khác để trang bị cho các em là thanh niên học sinh, sinh viên những kiến thức quan trọng và cần thiết như: Tuyên truyền giáo dục pháp luật, phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, sức khỏe sinh sản vị thành niên, tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề... Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cũng được chú trọng thực hiện tại các trường học, góp phần giúp cho thanh niên học sinh, sinh viên có sức khỏe tốt và tinh thần hăng hái trong học tập. Do vậy, không những chất lượng giáo dục không ngừng được tăng lên, thể hiện rõ trong kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm cuối năm học, trong kết quả thi tốt nghiệp THPT, thi học sinh giỏi các cấp, thi đại học, cao đẳng... mà thanh niên học sinh, sinh viên đã có thêm nhiều kỹ năng cần thiết, tự tin hơn khi tiếp tục tham gia vào cuộc sống, lao động, học tập trong xã hội.

Dưới đây là số liệu minh chứng kết quả đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo:

- Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực của thanh niên học sinh THPT tại các trường THPT, phổ thông cấp 2-3 một số năm học gần đây:

+ Về hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số HS	Hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
2009-2010	26.222	17.278	65,9	7.155	27,3	1.676	6,4	113	0,4
2010-2011	26.847	18.358	68,4	6.843	25,5	1.487	5,5	159	0,6
2011-2012	26.609	19.341	71,4	5.901	23,1	1.254	5,0	113	0,5
2012-2013	26.552	20.693	77,9	4.850	18,3	933	3,5	76	0,3

+ Về học lực:

Năm học	Tổng số HS	Học lực									
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
2009-2010	26.222	784	3,0	6.329	24,1	12.786	48,8	5.914	22,6	409	1,6
2010-2011	26.847	953	3,6	7.421	27,6	12.829	47,8	5.369	20,0	275	1,0

2011-2012	26.609	1.283	4,6	8.372	29,0	12.789	49,0	3.934	16,5	231	0,9
2012-2013	26.552	1.976	7,5	10.609	39,9	11.329	42,6	2.548	9,6	90	0,4

- Kết quả thi học sinh giỏi:

+ Thi học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh:

Năm học	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh đạt giải	Tỉ lệ
2009-2010	644	236	36,6%
2010-2011	899	531	59,1%
2011-2012	1.236	325	26,3%
	Nhất: 16 Nhi: 84 Ba: 127 Khuyến khích: 98		
2012-2013	1.324	503	38%
	Nhất: 15 Nhi: 70 Ba: 138 Khuyến khích: 280		

+ Thi học sinh giỏi cấp toàn quốc:

Năm học	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh đạt giải				Tỉ lệ
		Nhất	Nhi	Ba	Khuyến khích	
2009-2010	56	0	9	11	18	67,9%
2010-2011	60	0	7	22	24	88,3%
2011-2012	63	3	2	19	15	61,9%
2012-2013	66	2	5	17	22	69,7%

Năm học 2012-2013, Bình Phước có 5 học sinh Trường THPT chuyên Quang Trung đủ điều kiện tham dự vòng 2, vòng thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển Olympic quốc tế, gồm các em Phạm Anh Dũng - giải Nhất quốc gia môn Vật lý; Phan Văn Bảo và Nguyễn Văn Sơn - giải Nhì quốc gia môn Vật lý; Nguyễn Tài Ân - giải Nhì quốc gia môn Hóa học và Lê Quang Bình - giải Nhì quốc gia môn Toán.

- Trình độ học vấn THPT và tương đương năm 2012 của thanh niên trong tỉnh đạt khoảng 40,3% (thanh niên cả trong và ngoài trường học). Trong đó, kết quả thi tốt nghiệp THPT luôn đạt tỉ lệ cao ổn định qua các năm như sau:

+ Kết quả thi tốt nghiệp THPT:

Năm học	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh đậu	Tỉ lệ
2009-2010	7.547	6.951	92,06%
2010-2011	8.081	7.648	94,64%
	Giỏi, khá: 899 (11,12%)		
2011-2012	7.902	7.872	99,62%
	Giỏi, khá: 1.574 (19,98%)		
2012-2013	8.180	8.073	98,69%
	Giỏi, khá: 1.351 (16,74%)		

+ Kết quả thi tốt nghiệp Bồ túc THPT:

Năm học	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh đậu	Tỉ lệ
2009-2010	916	478	52,18%
2010-2011	1.086	774	71,27%
2011-2012	829	759	91,55%
2012-2013	615	412	66,99%

- Kết quả thi Olympic:

+ Thi Olympic cấp tỉnh lần 1 dành cho học sinh lớp 10, 11 năm học 2012-2013: Tổng số thí sinh đạt giải là 386/793 thí sinh dự thi (giải Nhất: 43; giải Nhì 68; giải Ba: 114; giải Khuyến khích: 161).

+ Thi Olympic 30/4 lần thứ 19 dành cho học sinh lớp 10, 11 thuộc các trường THPT chuyên trong cả nước: Tổng số thí sinh đạt giải là 48. Trong đó có 18 huy chương vàng, 20 huy chương bạc, 10 huy chương đồng, xếp thứ 4 toàn đoàn trên tổng số 114 trường tham gia thi.

- Kết quả thi đại học, cao đẳng:

Thực hiện Luật Thanh niên trong việc tạo điều kiện cho thanh niên vươn lên học tập ở trình độ cao hơn, hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Hội đồng xét cử tuyển UBND tỉnh cử học sinh là người dân tộc thiểu số và người kinh đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã tốt nghiệp THPT đi học đại học, cao đẳng, TCCN theo hình thức cử tuyển. Tính đến năm 2012, hiện có 452 thanh niên là học sinh dân tộc thiểu số đang theo học đại học, cao đẳng, TCCN theo chế độ cử tuyển.

Bên cạnh đó, tháng 3 hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, TCCN có uy tín tiến hành tư vấn nghề nghiệp và tư vấn chọn trường cho các học sinh cuối cấp. Đồng thời, Sở cũng chỉ đạo các trường thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với toàn bộ thanh niên học sinh tại các trường THPT. Nhờ hướng nghiệp tốt, đã tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn và định hướng nghề nghiệp theo khả năng của mình. Tỉ lệ học sinh đi học ở các trường đại học, cao đẳng và TCCN năm sau luôn cao hơn năm trước.

STT	Nội dung	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1	Số học sinh đậu đại học	772	1.206	1.575	1.876	2.682
2	Số học sinh đậu cao đẳng:	1.479	2.083	2.304	2.672	3.244



	Trong tỉnh	141	292	289	390	361
	Ngoài tỉnh	1.338	1.791	2.015	2.281	2.883
3	Số học sinh đậu TCCN	992	1.299	1.451	1.589	1.715
	Trong tỉnh	134	187	257	335	956
	Ngoài tỉnh	858	1.112	1.193	1.254	759
Tổng cộng		3.243	4.588	5.330	6.137	7.641

- Về phổ cập: Mặc dù công tác xóa mù, phổ cập giáo dục còn gặp rất nhiều khó khăn, nhất là về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nhân lực và địa bàn. Nhưng với sự cố gắng, kiên trì của ngành Giáo dục và Đào tạo cùng sự hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh, của chính quyền địa phương ở cơ sở công tác này trong thời gian qua đã đạt được khá nhiều thành quả quan trọng. Tính đến tháng 12/2012, toàn tỉnh có 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi là 85/111, đạt tỷ lệ 76,57%; có 01/111 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THPT là xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài; số người biết chữ trong độ tuổi 15-35 đạt tỷ lệ 96,64%; số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ là 111/111.

- Đối với thanh niên là học sinh, sinh viên tại các trường TCCN, cao đẳng trong tỉnh:

+ Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước: Chất lượng đào tạo luôn được chú trọng nâng lên nhằm tạo ra đội ngũ thanh niên là giáo viên trẻ có trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm để đáp ứng nhu cầu giảng dạy trong tỉnh. Năm học 2011-2012, trong tổng số 721 thanh niên sinh viên đang theo học các năm thứ I, II, III có 50,5% sinh viên đạt kết quả học tập xếp loại khá trở lên, còn lại 26,1% xếp loại trung bình, 4,7% xếp loại yếu.

Về kết quả thực tập của sinh viên năm thứ II, III: Toàn bộ 484 sinh viên thực tập được đánh giá, xếp loại khá trở lên, trong đó xếp loại xuất sắc 233 em, đạt 48,1%; xếp loại giỏi 218 em, chiếm 45%;

Kết quả tốt nghiệp: 298/307 sinh viên tốt nghiệp, chiếm 97,07%. Ngoài ra, sinh viên còn được khuyến khích, tạo điều kiện thực hiện các đề tài khoa học, được tổ chức tham gia các hoạt động ngoại khóa và các hội thi để trang bị thêm kỹ năng sống và nghiệp vụ như ngoại khóa của các tổ chuyên môn, ngoại khóa chuyên đề "Những kỹ năng cần thiết cho sinh viên trước kỳ thực tập sư phạm", hội thi về nghiệp vụ sư phạm, cuộc thi "Ai là trạng nguyên"... Hiện tại, Trường đang xây dựng Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm thành Đại học Bình Phước nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của nhân dân cả trong và ngoài tỉnh, nhất là của thanh niên học sinh.

+ Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Bình Phước: Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cao su luôn được gắn liền với nhu cầu của các doanh nghiệp và hợp tác toàn diện với Viện Nghiên cứu Cao su Lai Khê; đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nhằm giúp thanh niên học sinh, sinh viên khi ra trường có thể tìm được việc làm. Bên cạnh đó, trường còn

liên kết với khá nhiều trường đại học khác trong quá trình tuyển sinh, đào tạo trình độ đại học hệ không chính quy như: Đại học Sài Gòn, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Giao thông vận tải TP.HCM, Đại học Bình Dương, Đại học Tây Nguyên.

Kết quả học tập hệ chính quy năm học 2012-2013: Trong số 1.597 học sinh, sinh viên có 26,4% xếp loại xuất sắc, giỏi, khá; 68,1% xếp loại trung bình khá và trung bình; 5,5% xếp loại yếu, kém. Kết quả tốt nghiệp hệ chính quy: Có 354/410 học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, chiếm 86,3%. Ngoài ra, Trường còn đào tạo, cấp chứng chỉ nghề lái xe, ngoại ngữ, tin học cho khá nhiều thanh niên học sinh, sinh viên.

+ Trường Trung cấp Y tế Bình Phước: Việc giảng dạy lý thuyết luôn đi đôi với thực hành, tạo điều kiện cho học sinh được rèn luyện kỹ năng tay nghề. Công tác nghiên cứu khoa học luôn được chú trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy. Số học sinh tốt nghiệp năm 2012 là 1.038/1.297 em, đạt tỷ lệ 80%, trong đó xếp loại khá, giỏi 27,5%, loại trung bình khá 64%, còn lại 8,5% xếp loại trung bình. Tính đến năm 2012, Trường đã đào tạo được hơn 7.000 học sinh có trình độ trung cấp và sơ cấp. Ngoài ra, Trường đào tạo hơn 700 nhân viên y tế thôn bản, góp phần không nhỏ trong công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định nâng cấp từ Trung cấp Y tế thành Trường Cao đẳng Y tế để có thể đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực y tế có trình độ cao hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh trong tỉnh.

+ Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Phước: Việc tuyển sinh, đào tạo cũng luôn gắn liền với nhu cầu về nguồn nhân lực của địa phương. Bên cạnh các ngành nghề đào tạo trung cấp chính quy là Kế toán, Điện công nghiệp và dân dụng, Tin học, trường còn liên kết với Trường Đại học Trà Vinh đào tạo thêm 5 ngành nghề hệ trung cấp là: Trồng trọt, Chăn nuôi - Thú y, Quản trị văn phòng, Xây dựng công nghiệp - dân dụng, Du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội; chất lượng đào tạo cũng được chú trọng. Năm học 2011-2012, trong số 132 học sinh đủ điều kiện xét kết quả học tập thì có 17,4% xếp loại khá, giỏi, 64,4% xếp loại trung bình khá, còn lại 18,2% xếp loại trung bình; có 4 học sinh khá, giỏi được trao học bổng khuyến khích học tập.

+ Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng: Các ngành nghề đào tạo chính là Quản trị mạng, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô (trung cấp), Kế toán doanh nghiệp (cả trung cấp và cao đẳng) và đào tạo ngắn hạn lái xe A1. Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục, nhân lực và khó khăn nhiều trong khâu tuyển sinh nhưng trường đã có rất nhiều cố gắng trong việc duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Kết quả học tập năm học 2011-2012 có 41/151 thanh niên học sinh xếp loại khá, giỏi, đạt 27,2%, 39 học sinh xếp loại trung bình khá, tỷ lệ 25,8%, 8 học sinh xếp loại trung bình, tỷ lệ 5,3%, 63 học sinh không xếp loại, chiếm tỷ lệ 41,7%.

Số học sinh tốt nghiệp các lớp trung cấp nghề năm 2012 là 48/67 học sinh dự thi, trong đó đạt loại khá, giỏi là 28 em, trung bình khá 19 em, 01 em xếp loại trung bình.

Hệ sơ cấp nghề và đào tạo nghề thường xuyên: Đào tạo được 969 học viên sơ cấp nghề lái xe B1, B2, C, cấp chứng chỉ cho 605 học viên, trong đó xếp loại giỏi

38,3%, loại khá 56,9%, loại trung bình 4,8%; đào tạo nghề thường xuyên cho 1.543 học viên nghề lái xe A1, A4, đã hoàn thành và cấp giấy phép cho 1.093 học viên.

Bên cạnh đào tạo nghề, trường còn tổ chức dạy văn hóa hệ giáo dục thường xuyên. Năm học 2011-2012, trong tổng số 110 học sinh lớp 10, 11, 12 có 6,4% em xếp loại học lực khá; 51,8% em xếp loại học lực trung bình; 41,8% em xếp loại yếu, kém; có 24 thanh niên học sinh khá, giỏi được nhận học bổng khuyến khích học tập.

b) Tình hình cán bộ quản lý, giáo viên toàn tỉnh, trong đó có thanh niên là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ:

Hầu hết cán bộ quản lý, giáo viên trong tỉnh, nhất là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ, năng động, sáng tạo, luôn tự phấn đấu, tự học, tự bồi dưỡng hoặc tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc học thêm tại các trường đại học, cao đẳng, tham gia nghiên cứu, thực hiện các đề tài khoa học, đề tài sáng kiến kinh nghiệm... do vậy, trình độ quản lý cũng như trình độ chuyên môn được nâng cao, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh.

Cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” đã trở thành một trong những phong trào thiết thực đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tạo một bước ngoặt lớn về chất lượng của đội ngũ trong việc tu dưỡng, giữ gìn phẩm chất đạo đức nhà giáo, phát huy năng lực tự học và sáng tạo trong công tác, góp phần đổi mới mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đáp ứng theo yêu cầu đổi mới hiện nay.

Số giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn tăng hàng năm, trong đó có số lượng lớn là thanh niên cán bộ quản lý, giáo viên trẻ. Tính đến cuối năm học 2012-2013, tỷ lệ giáo viên đúng lớp đạt chuẩn và trên chuẩn của cán bộ quản lý, giáo viên toàn tỉnh đạt 98,67%, trong đó cấp học mầm non đạt 95,5%, cấp tiểu học đạt 99,36%, cấp THCS đạt 99,78%, cấp THPT đạt 98,92%, các TTGDTX đạt 95,45%. Có gần 70% giáo viên tự học ngoại ngữ, tin học phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy.

Năm học 2012-2013, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Quyết định số 73/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh, gồm: 01 đi nghiên cứu sinh; 25 cán bộ, viên chức đi ôn, học cao học; 07 giáo viên dự thi lớp văn bằng 02 giáo dục quốc phòng; 180 học viên đi bồi dưỡng nha học đường; 36 cán bộ quản lý đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh; 05 cán bộ, công chức dự thi từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính; hoàn thành 03 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục mầm non, tiểu học, THCS (thời gian học 12 tháng) với số lượng là 152 học viên; đang tiếp tục mở 03 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho 150 học viên (trong đó: Mầm non 66, tiểu học 84); 02 lớp bồi dưỡng thư viện cho 206 học viên (trong đó: THCS 72, tiểu học 134); cử đi dự thi 02 lớp đại học chuyên tu mầm non và 01 lớp đại học quản lý giáo dục văn bằng 2. Đồng thời, hàng năm đều mở các lớp bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ, bồi dưỡng chương trình, phương pháp giảng dạy theo sách giáo khoa mới. Chỉ đạo cho Trường Cao đẳng Sư phạm mở các lớp chuẩn hóa tại Trường cho giáo viên mầm non, tiểu học đang công tác tại các huyện, thị

xã.

Ngoài ra, ngành còn tập trung làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo có trình độ sau đại học với số lượng ngày càng tăng. Tính tới cuối năm học 2012-2013, toàn ngành Giáo dục và Đào tạo có 11 cán bộ quản lý đạt trình độ thạc sĩ về quản lý giáo dục và 75 giáo viên đạt trình độ thạc sĩ về chuyên môn; hiện có 45 cán bộ, giáo viên đang theo học các lớp cao học.

Đối với thanh niên là CBQL, giáo viên trẻ:

Về trình độ hiện nay						Nhu cầu muốn được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ CM, NV					
Tiến sỹ	Ths	ĐH	CD	TC	SC, THPT	Lên TC	Lên CD	Lên ĐH	Lên Ths	Lên Tiến sĩ	BD theo chuyên đề
0	28	1.537	1.568	1.167	39	20	86	2.496	711	26	328

2. Những tồn tại, hạn chế

- Do hầu hết các đơn vị trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, nguồn kinh phí ngân sách hạn hẹp, phong trào xã hội hóa chưa mạnh nên những hoạt động có thể nâng cao chất lượng đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh, sinh viên nhiều nơi chưa có điều kiện thực hiện hiệu quả.

- Vẫn còn không ít thanh niên học sinh có học lực xếp loại yếu, kém, nhất là ở các môn học chính như Văn, Toán, Lí, Hóa, đặc biệt là tiếng Anh; nhiều học sinh phải bỏ học do kết quả học tập quá yếu hoặc phải đi làm sớm để phụ giúp gia đình (năm học 2012-2013, số thanh niên học sinh tại các trường THPT bỏ học là 302 em, chiếm tỉ lệ 1,14%); nhiều học sinh chưa biết tự bảo vệ mình khỏi những tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, chưa biết tìm cho mình hướng đi đúng trong lựa chọn nghề nghiệp... Công tác tư vấn, hướng nghiệp cho thanh niên học sinh mới chỉ dừng lại ở lý thuyết mà chưa thường xuyên đúng thực chất công tác này.

- Công tác phổ cập giáo dục cho thanh niên ngoài trường học để giúp họ đạt được trình độ học vấn THPT còn gặp rất nhiều khó khăn. Kết quả về phổ cập nêu trên về phổ cập giáo dục tiểu học cho những đối tượng từ 6-14 tuổi, về phổ cập giáo dục THCS cho những đối tượng từ 11-18 tuổi, về phổ cập THPT à cho những đối tượng từ 15-21 tuổi. Tuy nhiên, trong Đề án này, đối tượng thụ hưởng Đề án cần được phổ cập là các đối tượng thanh niên ngoài trường học từ 16-30 tuổi, các đối tượng này nếu chưa đạt trình độ học vấn tiểu học, THCS, THPT thì có thể theo học các lớp chống mù chữ, phổ cập. Trên thực tế, việc mở các lớp học này rất khó khăn vì các đối tượng ngại đi học, công tác vận động gặp rất nhiều trở ngại trong khi nguồn kinh phí còn rất hạn chế.

Số lượng thanh niên ngoài trường học còn mù chữ hay mới có trình độ tiểu học, THCS còn khá nhiều (như đã nêu ở trên). Do vậy, tỷ lệ thanh niên có trình độ học vấn THPT trở lên hiện nay còn thấp, chỉ đạt khoảng 40,3% tổng số thanh niên toàn tỉnh.

- Số lượng học sinh đậu đại học, cao đẳng ngày càng tăng nhưng tỉ lệ đậu vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với các tỉnh bạn trong vùng Đông Nam bộ. Tại các trường TCCN, cao đẳng trong tỉnh, chất lượng đầu vào chưa đồng đều. Các trường TCCN chủ yếu do các em có kết quả học tập không cao, các em không đậu tuyển sinh lớp 10 thi học nên còn gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình đào tạo cả trình độ học vấn lẫn đào tạo nghề.

- Tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh hầu hết còn thiếu thốn, nhất là các trường ở vùng sâu, vùng xa, ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao chất lượng công tác đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên.

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Sở Giáo dục và Đào tạo, hiện nay nhu cầu về xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường học và cơ sở giáo dục còn rất lớn: Riêng nhu cầu về kinh phí để xây dựng mới, trang bị thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các trường THPT trong tỉnh đã lên tới khoảng 321.258 triệu đồng; nhu cầu về kinh phí để sửa chữa lên tới khoảng 17.118 triệu đồng; nhu cầu ở các trường MN, TH, THCS, TTGDTX, CD, TCCN còn lớn hơn rất nhiều.

- Nhu cầu cần được dạy thêm nghề bên cạnh việc học văn hóa, nhu cầu cần được tư vấn hướng nghiệp với các hình thức thiết thực, hiệu quả hơn vẫn đang là những nhu cầu rất lớn cần được quan tâm đối với thanh niên tại các trường THPT trong tỉnh hiện nay.

Mặc dù công tác tư vấn, hướng nghiệp cho thanh niên học sinh luôn được chú trọng thực hiện tại các trường THPT trong các năm học vừa qua. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra tại một trường THPT trong tỉnh về nghề nghiệp mà các em học sinh chọn lựa cho tương lai, chỉ có 36,4% số học sinh hoàn toàn tin tưởng rằng những ngành nghề mà các em đã chọn và dự định sẽ học là hoàn toàn phù hợp với các em; 40,9% còn băn khoăn không biết ngành nghề đã chọn có thật sự phù hợp với các em không; 12,1% không biết sau này có xin được việc làm đúng nghề đã học không và 10,6% số học sinh cảm thấy khó trả lời. Mặt khác, khi chọn lựa nghề nghiệp, hầu hết các em mới chỉ quan tâm đến yếu tố “sự phù hợp năng lực với nghề” và “sự hứng thú với nghề” mà chưa chú trọng nhiều đến yếu tố “nhu cầu của xã hội trong từng lĩnh vực nghề nghiệp”. Tình trạng nêu trên diễn ra như nhau ở tất cả các khối lớp và các trường THPT khác trong tỉnh. Như vậy, còn khá nhiều học sinh còn thiếu hiểu biết về phẩm chất và năng lực của bản thân, thiếu hiểu biết về các ngành nghề mà các em đã chọn cũng như thiếu hiểu biết về nhu cầu của xã hội trong việc lựa chọn nghề nghiệp, dẫn đến sự nhầm lẫn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, còn lựa chọn một cách tự phát. Nhiều bậc phụ huynh còn áp đặt con cái trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Do vậy, việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh trong tỉnh hiện nay là rất cần thiết.

- Vẫn còn số lượng lớn thanh niên học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cần được hỗ trợ, giúp đỡ để các em có thể tiếp tục học tập và học tốt.

- Đối với thanh niên là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh: Nhiều giáo viên trẻ mới ra trường còn khó khăn về chỗ ở, về điều kiện giảng dạy, về kinh tế... ảnh hưởng đến việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Do vậy, vấn đề cần được chú trọng thực hiện hiện nay là bên cạnh việc quan tâm, hỗ trợ, đảm bảo cho họ có cuộc sống ổn định về cả vật chất lẫn tinh thần, cần tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý, giáo viên này được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, về chuyên môn, nghiệp vụ bên cạnh việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, từ đó mới có thể góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đặc biệt là các giáo viên dạy môn tiếng Anh.

Xuất phát từ tình hình đó, nhằm góp phần giúp cho thanh niên trong tỉnh có thể trở thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên, giai đoạn 2013-2020, cụ thể:

III. Quan điểm chỉ đạo

- Việc xây dựng Đề án nhằm cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên.

- Việc xây dựng Đề án phải bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam theo Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012-2020 và Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Bình Phước giai đoạn 1 (2012 - 2015). Các nội dung hoạt động của Đề án phải có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với từng đối tượng thanh niên trong ngành Giáo dục và Đào tạo và thanh niên ngoài trường học chưa đạt trình độ học vấn THPT cần phổ cập.

- Đề án phải góp phần khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong công tác đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên ngành Giáo dục và Đào tạo trong thời gian qua; đồng thời, phải đảm bảo tính kế thừa, phát huy các kết quả đã đạt được trong công tác này.

- Các nội dung hoạt động của Đề án đảm bảo phong phú, tạo điều kiện thuận lợi thu hút sự quan tâm của các đối tượng thanh niên khác nhau, phát huy ý thức tự giác thực hiện, tinh thần trách nhiệm của thanh niên để đảm bảo hiệu quả và bền vững; thu hút sự quan tâm của các ngành, các cấp, cùng phối hợp tham gia thực hiện để góp phần đạt được các mục tiêu mà Đề án đưa ra; phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, xã hội và các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các hoạt động của Đề án.

Phần thứ hai

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CƠ BẢN:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung: Góp phần xây dựng thế hệ thanh niên Bình Phước phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có đạo đức cách mạng, ý thức công dân và lý



tường xã hội chủ nghĩa; có trình độ học vấn, được giáo dục hướng nghiệp; có nghề nghiệp và việc làm; có văn hóa, sức khỏe, kỹ năng sống và ý chí vươn lên; xung kích, sáng tạo, có khả năng làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến; góp phần hình thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Phần đầu đến năm 2015, có ít nhất 70% thanh niên có trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương (năm 2020 là 80%). Để đạt mục tiêu này, hàng năm phần đầu:

+ Gia tăng số lượng học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước, giảm tỷ lệ học sinh yếu, kém.

+ Tỷ lệ đậu tốt nghiệp THPT đạt cao hơn mức bình quân của cả nước ít nhất 5%.

+ Tiến hành xóa mù chữ, duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, tiến tới phổ cập giáo dục THPT cho thanh niên chưa đạt trình độ học vấn THPT.

+ Giảm tỷ lệ nghỉ, bỏ học ở các cấp học từ tiểu học đến THCS, THPT còn dưới 1%.

- Phần đầu đến năm 2015 đạt tỷ lệ 200 sinh viên/một vạn dân (đến năm 2020 là 450 sinh viên/vạn dân);

- 100% thanh niên học sinh được giáo dục hướng nghiệp qua các năm trong cả giai đoạn 2013-2020, công tác giáo dục hướng nghiệp được nâng cao về chất lượng và hiệu quả qua mỗi năm học.

2. Nội dung của Đề án:

- Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo học vấn cho thanh niên học sinh THCS, THPT để duy trì và nâng cao tỷ lệ thanh niên học sinh đậu tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT và đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, THPT cho thanh niên ngoài trường học còn mù chữ hoặc chưa đạt trình độ học vấn THPT. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt các biện pháp góp phần giảm thiểu tỷ lệ học sinh nghỉ, bỏ học ở các cấp học từ tiểu học đến THCS, THPT.

- Có các giải pháp cụ thể góp phần gia tăng số sinh viên/vạn dân.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp hiệu quả cho thanh niên học sinh trong tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện hiệu quả các giải pháp có thể củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo học vấn cho thanh niên học sinh THCS, THPT để duy trì và nâng cao

tỷ lệ thanh niên học sinh đậu tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT và đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, đồng thời giảm tỷ lệ học sinh yếu kém:

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị giáo dục cho các trường học, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các trường thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng dạy, học.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh.

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo chuyên đề cho cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh, nhất là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ; đồng thời, tạo điều kiện cho họ có cơ hội học lên trình độ cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Hàng năm, tổ chức tốt các phong trào thi đua trong dạy học nhằm tạo điều kiện cho giáo viên có cơ hội thể hiện, trau dồi, nâng cao trình độ, khả năng chuyên môn trong giảng dạy cũng như trong quá trình ôn luyện cho học sinh; đồng thời, tổ chức tốt các kỳ kiểm tra, kỳ thi cho học sinh, sinh viên và khen thưởng kịp thời giáo viên và các em học sinh, sinh viên đạt thành tích cao trong giảng dạy, học tập.

- Tiếp tục thực hiện tốt Đề án phát triển trường THPT chuyên giai đoạn 2010-2020, phát huy vai trò hạt nhân của các trường THPT chuyên và trường chất lượng cao trong quá trình thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

- Quản lý tốt việc dạy thêm, học thêm để thiết thực hỗ trợ nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao tỉ lệ và chất lượng thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, thi đại học, cao đẳng.

- Thực hiện các giải pháp cụ thể, thiết thực để có thể hỗ trợ học sinh, sinh viên khó khăn; giảm tỷ lệ học sinh nghỉ, bỏ học.

Hàng năm phải điều tra, khảo sát để nắm số lượng thanh niên học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc nghỉ, bỏ học và xây dựng, thực hiện kế hoạch giúp đỡ, hỗ trợ các em.

- Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình xây dựng trường chuẩn quốc gia, nhất là ở các trường THCS, THPT, PT Cấp 2-3.

b) Hàng năm, tổ chức điều tra, nắm số liệu thanh niên ngoài trường học chưa đạt trình độ học vấn THPT, còn mù chữ và xây dựng, thực hiện kế hoạch xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, THPT cho họ để góp phần tăng tỷ lệ thanh niên có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương; đồng thời, bố trí kinh phí, nhân lực, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho việc thực hiện kế hoạch này.

c) Bên cạnh các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo học vấn, cần thực hiện các giải pháp hiệu quả để giúp cho các trường cao đẳng, TCCN trong tỉnh tạo uy tín trong quá trình đào tạo, từ đó có thể thu hút thanh niên học sinh trong và ngoài tỉnh thi vào các trường này, góp phần gia tăng số sinh viên/vạn dân.

d) Hàng năm, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh cho thanh niên học sinh tại các trường THPT, PT cấp 2-3, TTGD TX trong tỉnh.



2. Giải pháp cụ thể:

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Đề án, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

2.1 Các giải pháp có thể củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo học vấn cho thanh niên học sinh, giảm tỷ lệ học sinh yếu, kém:

a) Huy động các nguồn lực góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị dạy học cho các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh:

Nhằm giúp các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh có đủ điều kiện để thực hiện kế hoạch đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh, sinh viên hàng năm, việc xây dựng, hoàn thiện CSVC, trang thiết bị dạy học cho các trường, nhất là các trường còn thiếu, các trường trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia, các trường ở vùng sâu, vùng xa, các trường dạy học chất lượng cao hoặc đạt được nhiều thành tựu trong đào tạo học vấn, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên nhưng còn nhiều khó khăn, là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay.

Vấn đề này đã và đang được thực hiện trong các chương trình, kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, của UBND tỉnh, huyện, thị xã, của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước và các huyện, thị xã trong tỉnh; Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2020; Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm; Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; Dự án phát triển giáo dục THCS II (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Chương trình mục tiêu quốc gia... Tuy nhiên, vẫn chưa thể đáp ứng hết được nhu cầu cần được xây dựng, sửa chữa, mua sắm thêm CSVC, trang thiết bị dạy học tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh.

Trong khuôn khổ của Đề án này chỉ có thể đóng góp một phần nhỏ trong nhu cầu rất lớn nêu trên, bằng cách lựa chọn và đầu tư, trang bị CSVC, trang thiết bị dạy học cho một số trường học ưu tiên trong tỉnh, chủ yếu là các trường THCS, THPT, cao đẳng, TCCN. Trong quá trình lựa chọn trường học để đầu tư xây dựng cần xem xét kỹ để không đầu tư trùng lặp với các chương trình, dự án khác. Từ năm 2014 đến 2020, mỗi năm sẽ chọn một số trường ưu tiên để đầu tư xây dựng, sửa chữa CSVC, mua sắm thêm trang thiết bị, tài liệu dạy học. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt công tác xã hội hóa để huy động nguồn lực trong nhân dân hỗ trợ cho công tác này.

b) Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo; đẩy mạnh cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, triển khai sáng tạo và có hiệu quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; đưa việc thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Hai không” trở thành hoạt động thường xuyên trong mỗi cơ sở giáo dục.

c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá tại các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo học vấn cho thanh niên, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém.

- Mỗi trường học và cơ sở giáo dục phải xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng giáo dục, đưa mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục lên mục tiêu hàng đầu.

+ Tập trung chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học tổ chức tốt hoạt động “Tuần sinh hoạt tập thể” đầu năm học mới, đặc biệt quan tâm đối với các lớp đầu cấp, giúp học sinh làm quen với điều kiện học tập, sinh hoạt và tiếp cận phương pháp dạy học và giáo dục trong nhà trường; tổ chức các hoạt động để tạo môi trường học tập gần gũi, thân thiện đối với học sinh.

+ Các nhiệm vụ học tập có thể thực hiện trong hoặc ngoài giờ lên lớp; trong hoặc ngoài phòng học. Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường.

+ Triển khai chỉ đạo điểm thực hiện Đề án xây dựng mô hình trường phổ thông đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục giai đoạn 2012 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 4763/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng khoa học, hiện đại, tăng cường mối quan hệ thúc đẩy lẫn nhau giữa các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục. Tăng cường tổ chức các hoạt động như: Hội thi thí nghiệm - thực hành của học sinh, ngày hội công nghệ thông tin, ngày hội sử dụng ngoại ngữ, ngày hội đọc...

+ Triển khai áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013; sử dụng di sản văn hóa trong dạy học theo Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

+ Tổ chức và động viên học sinh tích cực tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật học sinh trung học và cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn dành cho học sinh trung học theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành trong các môn học; bảo đảm cân đối giữa việc truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; tăng cường liên hệ thực tế, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học.

+ Tổ chức dạy học phân hoá theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, THPT. Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh; phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm; chú trọng công tác phụ đạo học sinh yếu; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục tình trạng này; vận động nhiều lực lượng tham gia duy trì sĩ số.

+ Giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo, bồi dưỡng năng lực độc lập suy



ngữ; xây dựng hệ thống câu hỏi hợp lý, phù hợp với các đối tượng giúp học sinh vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, khắc phục việc ghi nhớ máy móc, không nắm vững bản chất của nội dung.

+ Chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc hoạt động kiểm tra, thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp THPT ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm thi và nhận xét đánh giá. Chú trọng việc tổ chức thi và kiểm tra nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực thực chất của học sinh trung học.

+ Trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục nêu trên, giáo viên cần coi trọng việc quan sát và hướng dẫn học sinh tự quan sát các hoạt động và kết quả hoạt động học tập, rèn luyện của các em; nhận xét định tính và định lượng các hoạt động về kết quả hoạt động, qua đó đề xuất hoặc triển khai kịp thời các hướng dẫn, góp ý, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

+ Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ là việc xem học sinh học được cái gì mà quan trọng hơn là biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không; kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kì, cuối năm học.

+ Trong các bài kiểm tra, giáo viên chủ động kết hợp hợp lý giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan; giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành. Đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn, cần tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tăng cường đưa ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương đất nước để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng ma trận đề kiểm tra cho mỗi chương và cả chương trình môn học; tăng cường ra câu hỏi kiểm tra để bổ sung cho thư viện câu hỏi của trường. Khi chấm bài kiểm tra phải có phần nhận xét, động viên sự cố gắng tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Chú ý hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.

+ Chỉ đạo việc ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn thay vì chỉ có các câu hỏi 1 lựa chọn như trước đây; triển khai phần kiểm tra tự luận trong các bài kiểm tra viết môn ngoại ngữ. Nâng cao chất lượng việc thi cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đối với các môn ngoại ngữ; thi thực hành đối với các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học trong kì thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12. Tiếp tục triển khai đánh giá các chỉ số trí tuệ (IQ, AQ, EQ...) trong tuyển sinh trường THPT chuyên ở những nơi có đủ điều kiện.

+ Tăng cường xây dựng “Nguồn học liệu mở” (thư viện) câu hỏi, bài tập, đề thi, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo có chất lượng trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường học.

+ Tiếp tục tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn nghệ, trò chơi dân gian và các hội thi năng khiếu văn nghệ, thể dục - thể thao; hội thi tin học, hùng biện ngoại ngữ, ngày hội đọc sách; thi giải toán trên máy tính cầm tay, giải toán trên internet, Olympic tiếng Anh trên internet; cuộc thi “An toàn giao thông

cho nụ cười ngày mai”; các hoạt động giao lưu... theo hướng phát huy sự chủ động và sáng tạo của các địa phương, đơn vị; tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới. Tiếp tục phối hợp với các đối tác thực hiện tốt các dự án khác như: Chương trình dạy học Intel; Dự án đối thoại Châu Á - Kết nối lớp học...

- Tổ chức kiểm tra, khảo sát một số môn học chính vào đầu năm học đối với học sinh tất cả các khối lớp cấp tiểu học, THCS, THPT và làm tốt công tác tuyển sinh lớp 10, làm cơ sở đưa ra các biện pháp giáo dục hiệu quả với từng đối tượng học sinh giỏi, khá, trung bình, yếu kém.

+ Đối với học sinh trung bình và học sinh yếu kém: Thực hiện hiệu quả các giải pháp sau nhằm góp phần giúp cho các em nâng cao kết quả học tập, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém:

Tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, THPT;

Tăng cường công tác phụ đạo cho học sinh yếu kém; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở những trường có điều kiện;

Có các giải pháp thiết thực đối với học sinh yếu kém trong quá trình thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm giúp cho các em có thể lấy lại được kiến thức cơ bản, tạo niềm vui, hứng thú, say mê học tập;

Chú trọng công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng nhằm khơi gợi ý thức vươn lên trong học tập của các em;

Tổ chức các hội thảo chuyên đề về “Các giải pháp giảm tỷ lệ học sinh yếu kém”;

Trong sinh hoạt của Tổ bộ môn và trong công tác kiểm tra, dự giờ của mạng lưới chuyên môn cần chú trọng đến việc trao đổi, học hỏi lẫn nhau các biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ học sinh yếu kém để các em có thể hiểu rõ nội dung bài giảng, làm tốt các bài tập, hứng thú hơn trong học tập;

Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh để có các giải pháp giúp đỡ các em học tốt hơn, đồng thời trong công tác khen thưởng cũng phải chú trọng đến các em học sinh yếu kém nhưng có nhiều cố gắng vươn lên trong học tập;

Tại các trường cao đẳng, TCCN, trung cấp nghề có tổ chức dạy học văn hóa cho học sinh cũng cần chú trọng thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo học văn, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém như đã nêu ở trên, nhất là Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng để góp phần duy trì, nâng cao tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT hàng năm.

+ Đối với học sinh khá, giỏi: Bên cạnh việc dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng cần có kế hoạch theo dõi, phụ đạo thường xuyên để duy trì, nâng cao kiến thức của các em, góp phần gia tăng số học sinh đậu học sinh giỏi các cấp, đậu đại học, cao đẳng, TCCN.

d) Hàng năm, tổ chức hiệu quả các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo chuyên đề cho cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường học và cơ sở giáo dục

trong tỉnh, nhất là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ, đồng thời tạo điều kiện cho họ có cơ hội học lên trình độ cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Cuối mỗi năm học tổ chức điều tra, lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên về các chuyên đề, nội dung cần được tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo. Trên cơ sở, phối hợp với các trường đại học có uy tín để thực hiện kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hội thảo trong dịp hè, nhất là những cán bộ quản lý, giáo viên trẻ.

Bố trí kịp thời kinh phí, tài liệu, cơ sở vật chất, báo cáo viên cho các lớp tập huấn, hội thảo.

Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hội thảo phải được thực hiện xuyên suốt cho giáo viên ở các cấp học trong tỉnh từ mầm non đến tiểu học, THCS, THPT, TTGDTX, cao đẳng, TCCN. Trong khuôn khổ Đề án này, chủ yếu đầu tư kinh phí cho các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo cho cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán cấp THCS, THPT và toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên các trường cao đẳng, TCCN trong tỉnh.

- Việc tạo cơ hội cho cán bộ quản lý giáo viên, nhất là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ được đi học các lớp bồi dưỡng ngắn ngày, học lên trình độ cao hơn: Thực hiện theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 15/1/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2008-2020 và Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 18/2/2011 của UBND tỉnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015.

đ) Hàng năm, tổ chức tốt các phong trào thi đua trong dạy học tạo điều kiện cho giáo viên có cơ hội thể hiện, trau dồi, nâng cao trình độ, khả năng chuyên môn trong giảng dạy cũng như trong quá trình ôn luyện cho học sinh; đồng thời, tổ chức tốt các kỳ kiểm tra, kỳ thi, cuộc thi cho học sinh, sinh viên và khen thưởng kịp thời giáo viên và các em học sinh, sinh viên đạt thành tích cao trong giảng dạy, học tập.

- Các phong trào thi đua trong giáo viên: Phong trào thao giảng, dự giờ; làm và sử dụng đồ dùng dạy học; thi giáo viên dạy giỏi các cấp; thi sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; phong trào viết và áp dụng sáng kiến kinh nghiệm; tham gia các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật.

- Các kỳ kiểm tra, kỳ thi, cuộc thi cho học sinh, sinh viên: Kiểm tra học kỳ; thi học sinh giỏi các cấp; thi học sinh giỏi quốc gia; thi Olympic cấp tỉnh, Olympic tiếng Anh qua mạng, Olympic giải Toán qua mạng; thi giải Toán trên máy tính cầm tay; thi tốt nghiệp THPT và bổ túc THPT; thi tốt nghiệp cao đẳng, TCCN; thi tuyển sinh lớp 10, tuyển sinh đại học, cao đẳng, TCCN; thi sáng tạo kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn dành cho học sinh THPT...

Bên cạnh việc tổ chức các cuộc thi, cần thường xuyên khuyến khích, động viên giáo viên và các em học sinh, sinh viên tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học để phát huy khả năng sáng tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng dạy, học.

- Để tổ chức tốt các phong trào thi đua, các kỳ thi trên, bên cạnh việc xây dựng kế hoạch chu đáo, bố trí kịp thời cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực, phải có sự tham gia nhiệt tình, nghiêm túc của giáo viên, học sinh, sinh viên và có sự hỗ trợ kịp thời của các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan như: Công ty Điện lực Bình Phước, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở Tài chính.

- Việc khen thưởng cho giáo viên và học sinh, sinh viên đạt thành tích cao trong các phong trào thi đua và trong học tập cần được thực hiện kịp thời, trang trọng. Nguồn kinh phí khen thưởng: Bên cạnh nguồn kinh phí hỗ trợ từ UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã theo định mức quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, của Hội Khuyến học các cấp, cần huy động thêm từ Hội phụ huynh học sinh, từ các tổ chức, cá nhân, các mạnh thường quân, các nguồn học bổng để hỗ trợ thêm kinh phí phục vụ công tác khen thưởng.

e) Tiếp tục thực hiện tốt Đề án phát triển trường THPT chuyên giai đoạn 2010-2020, phát huy vai trò hạt nhân của các trường THPT chuyên hiện có và trường chất lượng cao trong quá trình thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Khuyến khích các trường THPT có điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất hiện đại thực hiện những mục tiêu, giải pháp như trường THPT chuyên.

f) Quản lý tốt việc dạy thêm, học thêm để thiết thực hỗ trợ nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao tỉ lệ và chất lượng thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, thi đại học, cao đẳng...

g) Tiếp tục phát huy vai trò của các Trung tâm GDTX và các cơ sở Tin học - Ngoại ngữ trong việc đào tạo Tin học, ngoại ngữ cho mọi đối tượng người dân, trong đó có thanh niên học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc giảng dạy Tin học, ngoại ngữ; đồng thời, tiếp tục tổ chức kiểm tra cấp chứng chỉ cho người học theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

h) Hỗ trợ học sinh, sinh viên khó khăn, giảm tỷ lệ học sinh nghỉ, bỏ học.

Để đạt được mục tiêu của Đề án, việc hỗ trợ học sinh khó khăn, nhất là học sinh dân tộc thiểu số, giảm thiểu tỉ lệ thanh niên học sinh bỏ học là vô cùng cấp thiết, do công tác phổ cập trình độ học vấn cho thanh niên học sinh ngoài trường học còn gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cần chú trọng hỗ trợ sinh viên khó khăn, giúp các em không phải bỏ học.

Hàng năm, phải điều tra, khảo sát để nắm số lượng thanh niên học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc nghỉ, bỏ học và xây dựng, thực hiện kế hoạch giúp đỡ, hỗ trợ các em.

* Các giải pháp cụ thể hỗ trợ học sinh, sinh viên khó khăn, nhất là học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số:

Việc hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có thể thực hiện bằng nhiều hình thức: Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với thanh niên học sinh, sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình khó khăn (miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập); trao học bổng cho các em nghèo nhưng có kết quả học tập khá, giỏi; hỗ trợ

cho cả các em học chưa khá, giỏi nhưng có nhiều cố gắng hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chính sách cho sinh viên vay vốn để trang trải chi phí học tập, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quá trình cho vay; phát động các phong trào giúp đỡ học sinh khó khăn trong trường như phong trào “Góp sách cũ tặng bạn”, “Nuôi heo đất”, “Áo trắng tặng bạn”...

Bên cạnh việc thực hiện tốt kế hoạch của UBND tỉnh, huyện, thị xã, của Hội Khuyến học tỉnh, của từng trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh về hỗ trợ, giúp đỡ, trao học bổng, khen thưởng học sinh nghèo hiếu học, học sinh, sinh viên đạt thành tích cao trong học tập, cần tiếp tục thực hiện tốt các văn bản liên quan đến việc hỗ trợ thanh niên học sinh, sinh viên như:

- Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 16/7/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh THPT ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

- Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo chính sách, quyền lợi cho học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú.

- Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BDGDT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 20/11/2006 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

- Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập ban hành kèm theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề và Công văn số 1891/BGDĐT-CTHSSV ngày 22/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ đoàn, hội theo Quyết định 13/2013/QĐ-TTg.

- Thông tư liên tịch số 65/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/7/2006 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú.

- Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên biệt (Trường THPT chuyên công lập và trường phổ thông dân tộc nội trú) trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

* Các giải pháp cụ thể giảm thiểu tỉ lệ học sinh, sinh viên nghỉ, bỏ học:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho học sinh và gia đình học sinh về tầm quan trọng, ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của các em.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của cán bộ quản lý nhà trường, thường xuyên cập nhật số liệu học sinh bỏ học và tìm hiểu nguyên nhân để có biện pháp can thiệp, hỗ trợ kịp thời. Tăng cường công tác chủ nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, phân công học sinh theo dõi, động viên, giúp đỡ kịp thời các em học yếu và những học sinh gặp khó khăn đột xuất. Đồng thời, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tập trung nâng cao chất lượng giảng dạy, đẩy mạnh việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, mỗi giáo viên phải phân loại được học lực của học sinh để có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng học sinh.



Chú trọng thực hiện tốt các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, lấy học sinh làm trung tâm; đổi mới kiểm tra, đánh giá; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và tổ chức các hoạt động thi đua thiết thực nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, tươi vui, tạo niềm vui trong học tập cho các em.

- Nhà trường có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh và các tổ chức xã hội để có sự quan tâm giáo dục, chăm sóc, bồi dưỡng học sinh ngoài giờ lên lớp.

- Đối với học sinh khuyết tật thì cộng đồng hỗ trợ về vật chất phù hợp với khuyết tật của học sinh nhằm khắc phục bớt khó khăn do sự khuyết tật tạo ra; giáo viên giảng dạy sử dụng phương pháp dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật và có quy chế kiểm tra đánh giá, xếp loại riêng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2006 ban hành Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật, nhằm tránh hiện tượng tự ti do học sinh không muốn hòa đồng và tham gia học tập dẫn đến bỏ học.

k) Đẩy mạnh việc xây dựng trường chuẩn quốc gia tại các trường THCS, THPT

Để đạt trường chuẩn quốc gia, một trong 5 tiêu chí quan trọng có liên quan đến chất lượng giáo dục là tỉ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hàng năm không quá 5%. Trong đó, tỉ lệ học sinh bỏ học không quá 1%; tỉ lệ học sinh có học lực đạt loại giỏi là 3% trở lên; loại khá 35% trở lên; loại yếu kém không được quá 5%; tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt phải từ 80% trở lên; xếp loại yếu không được quá 2%. Các tiêu chí khác có liên quan đến việc tổ chức và quản lý của nhà trường; về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; về tài chính và cơ sở vật chất của nhà trường; về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Việc phấn đấu để trở thành trường chuẩn quốc gia sẽ góp phần giúp các trường học hoàn thiện về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy, học tập, góp phần nâng cao và duy trì bền vững chất lượng giáo dục qua từng năm. Đây là một nhân tố rất quan trọng góp phần nâng cao tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT, đậu đại học, cao đẳng, góp phần hoàn thành mục tiêu của Đề án.

Hiện nay, số trường THCS, THPT trong tỉnh đạt chuẩn quốc gia còn rất hạn chế (mới chỉ có 12/103 trường THCS và 2/32 trường THPT đạt chuẩn quốc gia). Do vậy, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng trường THCS, THPT đạt chuẩn quốc gia trong hoạt động của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu UBND tỉnh; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã tiếp tục tham mưu UBND huyện, thị đầu tư nguồn lực, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn sau năm 2015 gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Trong khuôn khổ Đề án này, việc hỗ trợ kinh phí cho các trường THCS, THPT trong việc hoàn thiện cơ sở vật chất để phấn đấu thành trường chuẩn quốc gia sẽ được đưa lên là một trong các nhân tố ưu tiên hàng đầu.

1) Các hoạt động khác góp phần nâng cao chất lượng đào tạo học vấn cho thanh niên học sinh:

- Bên cạnh việc dạy kiến thức văn hóa theo chương trình, cần quan tâm đến việc giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho các em học sinh, sinh viên; tiếp tục tổ chức tốt các cuộc thi, các buổi sinh hoạt ngoại khóa, chuyên đề với nội dung đa dạng có liên quan đến nội dung các môn học, các chuyên đề về giáo dục an toàn giao thông, giới tính, phòng chống HIV/AIDS, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh thực hiện các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... góp phần giúp các em có sức khỏe tốt và hứng thú trong học tập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Bố trí, sắp xếp giảng viên, giáo viên giảng dạy phù hợp với khả năng chuyên môn của từng người, theo từng nội dung. Công tác tuyển dụng đội ngũ giáo viên, giảng viên phải chất lượng.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá giáo viên, giảng viên để đánh giá thực chất chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên tại từng trường học và cơ sở giáo dục, làm cơ sở giúp họ thấy rõ khả năng của bản thân để có hướng phấn đấu vươn lên.

- Triển khai tự đánh giá các trường tiểu học, THCS, THPT, từng bước triển khai đánh giá ngoài và công nhận các trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

- Tham gia học tập kinh nghiệm tại các trường THPT có uy tín trong khu vực cũng như trong cả nước về các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho thanh niên học sinh.

- Chăm lo, phấn đấu từng bước nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức, thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ để họ có cuộc sống ổn định cả về vật chất và tinh thần để yên tâm đầu tư cho công tác giảng dạy. Hoàn thiện chính sách thu hút giáo viên công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, giáo viên làm công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục và giáo viên dạy bổ túc văn hóa THPT cho cơ sở dạy nghề và các Trung tâm GDTX.

Mỗi cán bộ, giáo viên phải luôn cố gắng, không ngừng phấn đấu để cùng góp phần giúp cho nhà trường đạt được các mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn để chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình giảng dạy, đồng thời tư vấn, giúp đỡ để giáo viên, giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Làm tốt công tác xã hội hóa để có thêm nguồn lực hỗ trợ nhà trường thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục, khen thưởng, hỗ trợ giáo viên, học sinh, sinh viên kịp thời, góp phần thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên.

Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; phát huy vai trò của Hội Khuyến học các cấp; phát huy truyền thống hiếu học của các dòng họ, dòng tộc và trong cộng đồng dân cư. Tăng đầu tư nguồn lực cho hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn.

2.2 Đẩy mạnh thực hiện công tác phổ cập THPT, xóa mù chữ cho thanh niên:



Theo kết quả điều tra, khảo sát của Sở Giáo dục và Đào tạo, số thanh niên trong tỉnh chưa có trình độ học vấn THPT vẫn còn khá nhiều, trong đó số thanh niên ngoài trường học còn mù chữ cũng còn đáng kể (như đã nêu trong phần thực trạng). Những thanh niên này thuộc các đối tượng: Học sinh nghỉ, bỏ học từ sớm, đang lao động phụ giúp gia đình; công nhân tại các nhà máy, xí nghiệp... Do vậy, để hoàn thành mục tiêu của Đề án đối với chỉ số phải đạt được về trình độ học vấn THPT, việc thực hiện phổ cập tiểu học, THCS, THPT cho thanh niên ngoài trường học là vô cùng quan trọng và cấp thiết.

Hiện nay, song song với Đề án này, Sở Giáo dục và Đào tạo đã và đang thực hiện kế hoạch phổ cập cho mọi đối tượng người dân trong tỉnh chưa đạt trình độ học vấn THPT, trong đó có thanh niên (16-30 tuổi) theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 18/7/2012 về thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 17/5/2012 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, cùng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 13/5/2011 về thực hiện công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục giai đoạn 2011-2015.

Bên cạnh đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đang chủ trì thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh. Trong đó, vấn đề cốt lõi là xây dựng được cơ sở vật chất của các Trung tâm học tập cộng đồng trong việc dạy nghề và phổ cập, giáo dục thường xuyên cho mọi đối tượng người dân có nhu cầu trong tỉnh, trong đó có thanh niên. Do vậy, việc thực hiện giải pháp này sẽ kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện các kế hoạch và Đề án trên.

Hàng năm tổ chức điều tra, nắm số liệu thanh niên ngoài trường học chưa đạt trình độ học vấn THPT, còn mù chữ để có kế hoạch xóa mù chữ, phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS, THPT cho họ, đồng thời bố trí kinh phí, nhân lực, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho việc thực hiện kế hoạch này, nhất là ở các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn.

2.3 Các giải pháp để góp phần gia tăng số lượng sinh viên/vạn dân:

Bên cạnh các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục để củng cố, duy trì, nâng cao tỷ lệ thanh niên học sinh đại học, cao đẳng, TCCN như đã nêu trên, cần thực hiện thêm các giải pháp sau:

- Thực hiện tốt quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề theo Quy hoạch phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước đến năm 2015 và tầm nhìn 2020, cụ thể:

+ Chuẩn bị điều kiện để đầu tư nâng cấp trường trung cấp Y tế lên Trường Cao đẳng Y tế; tăng cường năng lực đào tạo cho các trường Trung cấp nghề, các cơ sở dạy nghề và mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề xã hội và tư nhân để đáp ứng nhu cầu học và chuyển đổi nghề của người lao động.

+ Giai đoạn 2016-2020, thành lập 02 trường đại học đa ngành (trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm và Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su); nâng cấp Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng thành Trường Cao đẳng nghề; thu hút

và liên kết xây dựng 01 trường đại học đạt chuẩn quốc tế; thành lập mới 02 trường trung cấp nghề (01 trường tư thục và 01 trường của doanh nghiệp nằm trong Khu công nghiệp); tăng cường hoạt động và nâng cao chất lượng của các trung tâm dạy nghề tại các huyện, thị xã, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên...

Tiếp tục củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của hệ thống Trung tâm học tập cộng đồng trong tỉnh. Thực hiện có hiệu quả việc chấn chỉnh đào tạo hệ vừa học vừa làm, liên thông, liên kết; gắn việc đào tạo hệ vừa học vừa làm và đào tạo liên thông liên kết với việc quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, đáp ứng được yêu cầu chuẩn hóa và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng dạy, học tại các trường TCCN, trung cấp nghề, cao đẳng trong tỉnh để giúp cho thanh niên học sinh, sinh viên có kết quả học tập cao, khi ra trường có thể sớm tìm được việc làm và làm việc hiệu quả, từ đó nâng uy tín của trường đào tạo, thu hút thanh niên học sinh thi vào trường.

Hàng năm rà soát, đánh giá chương trình đào tạo, giảng dạy, đồng thời cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với người học và nhu cầu của xã hội.

- Các trường trung cấp chuyên nghiệp tiếp tục xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo, trình độ đào tạo. Tăng cường hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa các cơ sở giáo dục đại học với các doanh nghiệp, thông qua việc ký kết các hợp đồng, thoả thuận hợp tác. Triển khai tích cực các hợp đồng, thoả thuận đào tạo, sử dụng nhân lực đã ký kết; xây dựng và triển khai Đề án đào tạo theo nhu cầu xã hội giai đoạn 2011-2015.

Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, các hình thức đào tạo, các hệ đào tạo và loại hình trường trung cấp chuyên nghiệp. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Tiếp tục triển khai Đề án tăng cường năng lực đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

- Hàng năm, phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, TCCN làm tốt công tác tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh đối với thanh niên học sinh tại các trường THPT, Trung tâm GDTX đã tốt nghiệp THPT trong tỉnh.

2.4. Các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh THPT:

- Mỗi trường học phải tự xây dựng kế hoạch tư vấn, hướng nghiệp cho thanh niên học sinh với các hình thức hiệu quả, thiết thực; đồng thời, thành lập ban tư vấn hướng nghiệp chuyên làm công tác này hàng năm, xem đây là một trong những hoạt động vô cùng quan trọng không thể thiếu trong kế hoạch hoạt động chung của trường, cần được cải tiến hiệu quả hơn qua mỗi năm học.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về tư vấn hướng nghiệp cho ban tư vấn hướng nghiệp của các trường THPT hàng năm, đồng thời có chính sách hỗ trợ thiết thực để khuyến khích ban tư vấn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp thông qua môn học giáo dục hướng nghiệp, công nghệ trong các trường THCS, THPT.

- Tiếp tục phối hợp với các trường TCCN, cao đẳng, đại học có uy tín trong khu vực, trong cả nước, với cựu học sinh của trường và với những người thành đạt, các doanh nhân có uy tín... để làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho thanh niên học sinh tại tất cả các trường THPT trong tỉnh.

- Phát huy vai trò của các đoàn thể trong nhà trường trong công tác này, đặc biệt là Đoàn thanh niên. Hàng tuần, Đoàn trường tìm hiểu về một số trường đại học, cao đẳng dán lên bảng tin Đoàn để thanh niên học sinh trong trường có thể theo dõi, biết thêm thông tin về từng trường, từng ngành. Tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho thanh niên học sinh thông qua chương trình phát thanh học đường, các bài viết trên báo, website của Đoàn.

- Ngoài các ngày hội tư vấn tuyển sinh, các trường học cần thường xuyên có kế hoạch tạo điều kiện để bộ phận tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, TCCN gặp gỡ và tư vấn trực tiếp với thanh niên học sinh trong những buổi sinh hoạt 15 phút đầu giờ hoặc vào tiết chào cờ đầu tuần.

- Lập phiếu điều tra nguyện vọng của học sinh để giáo viên dạy lớp 12 tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trước khi làm hồ sơ đăng ký dự thi đại học theo đúng năng lực của các em.

- Đối với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn: Luôn theo dõi sát về tình hình học tập và năng lực của từng học sinh để định hướng cho các em có thể tham gia thi tuyển sinh theo khối phù hợp với học lực, từ đó kết hợp với sở thích để lựa chọn nghề nghiệp.

- Huy động các nguồn lực tổ chức cho học sinh THPT tham quan tại một số trường đại học, cao đẳng, TCCN, một số nhà máy xí nghiệp để giúp các em nhận thức rõ hơn nghề nghiệp phù hợp với bản thân để có hướng phấn đấu trong học tập.

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho công tác dạy nghề phổ thông, giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh tại các trường THCS, THPT như: Phòng học, máy tính, kết nối mạng internet, các mô hình, tranh ảnh, video clip... hỗ trợ các Trung tâm GDTX dạy bổ túc văn hóa THPT gắn với dạy nghề.

Ngoài ra, các trường cần liên kết chặt chẽ với các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề, các trường dạy nghề để hướng nghiệp, dạy và cấp chứng chỉ nghề khác cho các em có nhu cầu ngoài nghề Tin học văn phòng.

- Biên soạn tài liệu hướng nghiệp nội bộ phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của thanh niên học sinh, bám sát nhu cầu của các trường đại học, cao đẳng, TCCN; đồng thời, phải hướng tới nhu cầu thực tiễn của xã hội về lao động.

- Tổ chức các Hội thảo “Xây dựng ước mơ”, “Định hướng nghề nghiệp”, “Xu hướng ngành nghề”, “Nguồn nhân lực của tỉnh nhà giai đoạn 2015-2020”; tổ chức các hoạt động tuyên truyền “Thanh niên lập nghiệp, hướng tới tương lai”; khuyến khích thanh niên học sinh tham quan “Ngày hội việc làm” do Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức hàng năm để các

em có cơ hội nghiên cứu, tìm hiểu thêm các ngành nghề mà nhu cầu xã hội đang cần.

- Hỗ trợ thanh niên học sinh tham gia cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, thi sáng tạo kỹ thuật, cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn dành cho học sinh THPT hàng năm, giúp các em bước đầu làm quen với việc nghiên cứu khoa học, phát huy khả năng sáng tạo, làm tiền đề cho ý tưởng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp trong tương lai.

- Tổ chức họp phụ huynh học sinh hàng năm để tư vấn cho phụ huynh cùng tham gia chọn nghề nghiệp phù hợp với nguyện vọng, khả năng, ý thích của con em mình.

- Phát huy sự phối hợp của tất cả các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh trong việc điều tra thực chất và rõ ràng nhu cầu về lao động của từng cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trong tỉnh để có hướng giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên nhằm giúp họ lựa chọn nghề nghiệp vừa theo đúng sở thích, khả năng, vừa có thể đáp ứng tốt nhu cầu về lao động cho tỉnh nhà.

2.5 Phối hợp chặt chẽ việc thực hiện các kế hoạch, chương trình khác có liên quan để cùng góp phần hoàn thành mục tiêu của Đề án:

Việc thực hiện Đề án có liên quan mật thiết đến các chương trình, kế hoạch khác của ngành Giáo dục và Đào tạo như: Việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học từ mầm non đến tiểu học, THCS, THPT, Trung tâm GDTX, cao đẳng, TCCN theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm; Quy hoạch phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo Bình Phước đến năm 2015 và tầm nhìn đến 2020; Quy hoạch nguồn nhân lực của ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2020, Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn 2020; các Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020; Đề án phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010-2020, kế hoạch củng cố và nâng cấp hệ thống trường phổ thông DTNT; Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2011-2020, Đề án tăng cường năng lực đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, Đề án đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010 - 2016, Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012...

Việc thực hiện mục tiêu về phổ cập, xóa mù chữ, hướng nghiệp, dạy nghề cho thanh niên gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh về thực hiện công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 18/7/2012 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 17/5/2012 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn. Do vậy, trong quá trình thực hiện Đề án cần phối hợp chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch nêu trên để cùng góp phần hoàn thành các mục tiêu mà Đề án đưa ra.



III. Phạm vi và đối tượng:

1. Phạm vi: Trong tỉnh Bình Phước

2. Đối tượng:

- Thanh niên trong và ngoài trường học trong độ tuổi từ 16-30, cụ thể:
 - + Thanh niên học sinh, sinh viên tại các trường THCS, THPT, PT cấp 2-3, PT DTNT, Trung tâm GDTX, TCCN, trung cấp nghề, cao đẳng trong tỉnh.
 - + Thanh niên trên địa bàn tỉnh đang học tại các trường THPT, TCCN, cao đẳng, đại học ở các tỉnh, thành phố khác (trong vấn đề hỗ trợ, tạo điều kiện vay vốn để học tập).
 - + Thanh niên ngoài trường học trong tỉnh còn mù chữ hoặc chưa đạt trình độ học vấn THPT cần được xóa mù, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, THPT.
 - + Thanh niên là cán bộ quản lý, giáo viên trẻ tại các trường học từ mầm non đến tiểu học, THCS, THPT, PT cấp 2-3, PT DTNT, TTGDTX, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường TCCN, trung cấp nghề, cao đẳng và tại Sở Giáo dục và Đào tạo (dưới 30 tuổi).
- Toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường THCS, THPT, PT cấp 2-3, Trung tâm GDTX, cao đẳng, TCCN trong tỉnh và cán bộ quản lý, giáo viên cấp tiểu học có tham gia công tác phổ cập (do các đối tượng này tác động trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy cho học sinh, nhất là thanh niên học sinh, sinh viên hoặc tham gia công tác xóa mù, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, THPT).

IV. Thời gian, tiến độ thực hiện, kinh phí:

1. Thời gian, tiến độ thực hiện:

Việc thực hiện Đề án sẽ được triển khai ngay sau khi được phê duyệt, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Đề án đến năm 2015 và năm 2020.

2. Kinh phí:

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh.

Riêng kinh phí thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, THPT cho thanh niên: Thực hiện theo Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 18/7/2012 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 17/5/2012 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh về thực hiện công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục giai đoạn 2011-2015 và Đề án xây dựng xã hội học tập tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, hiện tại nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch phổ cập, xóa mù mới chỉ đáp ứng được 1/3 so với nhu cầu thực tế, khiến cho công tác này, nhất là công tác vận động các đối tượng ra lớp tại các lớp chống mù chữ, phổ cập còn khó

khăn. Do vậy, để thực hiện tốt công tác phổ cập cho thanh niên, là một trong các nhân tố vô cùng quan trọng góp phần hoàn thành mục tiêu về tỷ lệ thanh niên có trình độ học vấn THPT thì Đề án này phải có một phần kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện kế hoạch phổ cập, xóa mù.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Đề án, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đề ra.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Dự trù kinh phí thực hiện Đề án từng năm trong cả giai đoạn 2013-2020 gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện.

d) Tham mưu UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Đề án.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết lần 1 việc thực hiện Đề án vào tháng 12/2014 và tổng kết lần 1 vào tháng 12/2015; sơ kết lần 2 cho giai đoạn tiếp theo vào tháng 6/2018 và tổng kết lần 2 cho giai đoạn tiếp theo vào tháng 12/2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các chỉ tiêu đạt được của Đề án qua từng năm, từng giai đoạn tham mưu UBND tỉnh giao trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Tài chính:

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm phục vụ các hoạt động theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo đủ kinh phí để Đề án được triển khai đúng tiến độ; phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

4. Tỉnh đoàn:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình thực hiện các giải pháp về hỗ trợ thanh niên học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, phổ cập THPT, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh.

Hàng năm cung cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo số liệu về tổng số thanh niên là học sinh TCCN, thanh niên sinh viên đang học tại các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình thực hiện các giải pháp về giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên học sinh; phân công cán bộ chuyên trách hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường THPT trong tỉnh trong việc thực hiện các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề.

Hàng năm, cung cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo số liệu về tổng số thanh niên (16-30 tuổi) trong toàn tỉnh và số lượng đạt trình độ học vấn tiểu học, THCS,

THPT, trình độ chuyên môn nghiệp vụ (sơ cấp, TCCN, cao đẳng, đại học, cao học, nghiên cứu sinh) trong thanh niên.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Chỉ đạo các Phòng Giao dịch trực thuộc phối hợp với các hội đoàn thể nhận ủy thác, Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn trang trải chi phí học tập để các em không phải bỏ học giữa chừng.

Hàng năm, cung cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo số liệu về số học sinh, sinh viên được vay vốn học tập.

7. Các sở, ban, ngành tỉnh:

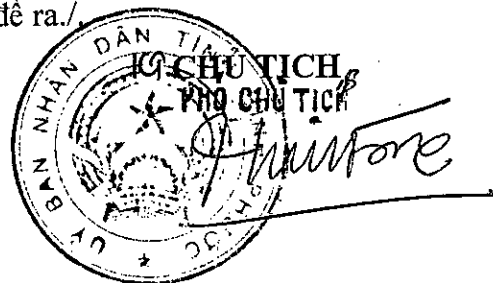
Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Đề án.

8. UBND các huyện, thị xã:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các giải pháp của Đề án tại địa phương.

9. Các trường học và cơ sở giáo dục trong tỉnh:

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện Đề án lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch hoạt động của đơn vị để cùng phấn đấu góp phần hoàn thành các chỉ tiêu mà Đề án đề ra./



Nguyễn Huy Phong